

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

Nội dung của Bản Điều khoản và Điều kiện dưới đây áp dụng cho việc phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank). Bản Điều khoản và Điều kiện này cùng với “Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng” tạo thành một Hợp đồng ràng buộc giữa Vietbank và Chủ thẻ cho việc phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng tại Vietbank (viết tắt là Hợp đồng). Chủ thẻ có trách nhiệm xem xét và đọc kỹ nội dung của Bản Điều Khoản và Điều Kiện này trước khi sử dụng Thẻ.

Điều khoản, điều kiện này là một phần đính kèm không tách rời các giao dịch được xác lập giữa Chủ thẻ và Vietbank. Bằng việc ký vào bản điều khoản, điều kiện này, Chủ thẻ cam kết đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận các quy định liên quan đến việc sử dụng dịch vụ của Vietbank tại Bản điều khoản và điều kiện này và các quy định khác có liên quan. Các quy định này được áp dụng để điều chỉnh mọi giao dịch liên quan phát sinh trong suốt quá trình Chủ thẻ sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Vietbank; đồng thời, được áp dụng để giải quyết mọi tranh chấp (nếu có) ngay cả khi việc cung cấp và sử dụng sản phẩm, dịch vụ đã chấm dứt.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị phát hành Thẻ: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
2. Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (gọi tắt là Giấy đề nghị): là giấy đề nghị theo mẫu của Vietbank được điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu và nộp lại để cho Vietbank xem xét có chấp thuận người nộp giấy đề nghị là Chủ thẻ hay không, và Giấy đề nghị này là một phần của Hợp đồng.
3. Thẻ tín dụng (gọi tắt là Thẻ): là Thẻ tín dụng nội địa/quốc tế do Vietbank phát hành, cho phép Chủ thẻ thực hiện giao dịch Thẻ trong phạm vi hạn mức thẻ tín dụng đã được cấp theo thoả thuận với Vietbank. Thẻ bao gồm thẻ vật lý và thẻ phi vật lý.
4. Tài khoản thẻ tín dụng (gọi tắt là Tài khoản): là tài khoản để quản lý các giao Thẻ, phí, lãi và các vấn đề liên quan đến việc sử dụng Thẻ. Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ sử dụng chung một Tài khoản.
5. Thẻ vật lý: là thẻ có hình thức hiện hữu vật lý, thông thường được làm bằng chất liệu nhựa, có gắn dải từ hoặc chip điện tử để lưu trữ dữ liệu thẻ.
6. Thẻ phi vật lý: là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật lý, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên thẻ theo quy định của pháp luật, được Vietbank phát hành cho chủ thẻ để giao dịch trên môi trường internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Thẻ phi vật lý không bao gồm các trường hợp Thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Thẻ phi vật lý có thể được Vietbank in ra thẻ vật lý khi Chủ thẻ có yêu cầu.
7. Thẻ chip contactless (hay còn gọi là Thẻ phi tiếp xúc): là thẻ được ứng dụng cả công nghệ “tiếp xúc” và “không tiếp xúc” trên cùng một phiê thẻ. Thẻ có cách thức giao tiếp kép, vừa giao tiếp bằng cách tiếp xúc với đầu đọc Thẻ hoặc giao tiếp từ xa. Chủ thẻ chỉ cần chạm hoặc vẩy nhẹ Thẻ lên máy POS để thanh toán mua hàng hoá, dịch vụ.
8. Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number- viết tắt là PIN): là mã số mật xác định chủ thẻ được Vietbank cung cấp cho Chủ thẻ lần đầu và sau đó Chủ thẻ thay đổi theo quy trình được xác định để sử dụng trong các giao dịch thẻ để chứng thực Chủ thẻ. Trong giao dịch điện tử mã số PIN được coi là chữ ký của Chủ thẻ.

9. Máy giao dịch tự động (Automated Teller Machine – viết tắt là ATM): là thiết bị mà Chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, vắn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin Thẻ hoặc các giao dịch khác.
10. Chủ thẻ: là cá nhân hoặc tổ chức được Vietbank cung cấp thẻ tín dụng để sử dụng, bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ.
11. Chủ thẻ chính: là cá nhân hoặc tổ chức đứng tên ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ với Vietbank.
12. Chủ thẻ phụ: là cá nhân được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng Thẻ và Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ. Chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm về việc sử dụng thẻ với Chủ thẻ chính.
13. Mã tổ chức phát hành thẻ (Bank Identification Number - viết tắt là BIN): là một dãy chữ số bao gồm BIN xác định Vietbank hoặc các TCPHT khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây viết tắt là NHNN) tại Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng, BIN do TCTQT cấp và BIN của các quốc gia khác. Trường hợp thẻ có BIN do TCTQT cấp hoặc thẻ có BIN của quốc gia khác, việc cấp, sử dụng và quản lý BIN được thực hiện theo quy định của TCTQT hoặc quốc gia cấp BIN đó.
14. Tổ chức phát hành thẻ (viết tắt là TCPHT): là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện phát hành thẻ theo quy định tại Thông tư 19/2016/TT-NHNN và các văn bản bổ sung, điều chỉnh, thay thế trong từng thời kỳ.
15. Tổ chức thanh toán Thẻ (viết tắt là TCTTT): là Vietbank hoặc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện dịch vụ thanh toán thẻ theo quy định của pháp luật.
16. Tổ chức thẻ quốc tế (viết tắt là TCTQT): là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với các TCPHT, TCTTT, tổ chức chuyển mạch thẻ và/hoặc các bên liên quan khác để hợp tác về hoạt động thẻ ngân hàng đối với thẻ có mã TCPHT do TCTQT cấp hoặc thẻ có mã TCPHT của quốc gia khác, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.
17. Đơn vị chấp nhận Thẻ (viết tắt là ĐVCNT): là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa và dịch vụ bằng Thẻ theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với TCTTT.
18. Dư nợ: là số tiền mà Chủ thẻ đã sử dụng bao gồm: các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ.
19. Dư nợ gốc: là số tiền mà Chủ thẻ đã sử dụng bao gồm: các giao dịch thẻ (không bao gồm phí, lãi phát sinh).
20. Giao dịch Thẻ: là việc sử dụng Thẻ để gửi, rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và sử dụng các dịch vụ khác do Vietbank, TCTTT cung ứng.
21. Giao dịch rút tiền mặt: là việc sử dụng Thẻ để rút tiền mặt.
22. Giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ: là việc sử dụng Thẻ để thanh toán các hàng hóa và/hoặc các dịch vụ.
23. Giao dịch thanh toán trực tuyến: là việc sử dụng Thẻ để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trực tuyến trên các website của ĐVCNT có kết nối với hệ thống thanh toán trực tuyến của Vietbank và/hoặc đối tác của Vietbank.

24. Số thẻ: là dãy số bao gồm 16 chữ số được in trên Thẻ. Chủ thẻ dùng Số thẻ để thực hiện các giao dịch liên quan đến tính năng của Thẻ.
25. Hạn mức thẻ tín dụng (sau đây gọi tắt là HMTTD): là mức dư nợ tối đa cấp cho mỗi Chủ thẻ để sử dụng trong một thời gian nhất định.
26. Hạn mức khả dụng của Thẻ: là số tiền mà Chủ thẻ còn có thể sử dụng trong phạm vi HMTTD được cấp.
27. Số tiền thanh toán tối thiểu (gọi tắt là Số tiền tối thiểu hay mức trả nợ tối thiểu): là khoản tiền tối thiểu mà Chủ thẻ cam kết sẽ trả cho Vietbank theo yêu cầu của Vietbank tại bản Thông báo giao dịch được gửi cho Chủ thẻ. Số tiền tối thiểu được xác định bằng công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Số tiền} & & \text{Số tiền} & & \text{Số tiền} & & \text{Số tiền} & & \text{Số tiền} & & \text{Số tiền} \\ \text{thanh} & & \text{trả} & & \text{trả} & & \text{thanh toán} & & & & \text{Dư nợ} \\ \text{toán} & = & \text{góp} & + & \text{góp} & + & \text{tối thiểu} & + & \text{Dư} & + & \text{vượt} \\ \text{tối} & & \text{chưa} & & \text{trong} & & \text{chưa} & & \text{nợ} & & \text{hạn} \\ \text{thiểu} & & \text{thanh} & & \text{kỳ} & & \text{thanh} & & \text{cuối} & & \text{mức} \\ & & \text{toán} & & \text{(nếu} & & \text{toán} & & \text{kỳ} & & \text{(nếu} \\ & & \text{(nếu} & & \text{có)} & & \text{(nếu} & & & & \text{có)} \\ & & \text{có)} & & & & \text{có)} & & & & \\ & & \text{toán} & & & & & & & & \\ & & \text{(nếu} & & & & & & & & \\ & & \text{có)} & & & & & & & & \end{array}$$

Trong đó: X% là tỉ lệ % thanh toán tối thiểu so với dư nợ cuối kỳ do Vietbank quy định và có thể thay đổi trong từng thời kỳ.

28. Sao kê thẻ tín dụng (Sao kê): là tài liệu do Vietbank lập để thông báo cho Chủ thẻ liệt kê tất cả các giao dịch, tiền lãi, phí, điều chỉnh (nếu có) và Số tiền tối thiểu phải trả, số dư nợ quá hạn của Chủ thẻ.
29. Ngày lập sao kê: là ngày Vietbank lập sao kê theo định kỳ hàng tháng. Ngày lập sao kê do Vietbank quy định cụ thể đối với từng sản phẩm thẻ tín dụng.
30. Kỳ: là khoảng thời gian giữa 2 lần lập sao kê liên tiếp.
31. Ngày trả trước số tiền tối thiểu: là ngày mà Chủ thẻ cam kết sẽ trả trước Số tiền tối thiểu được thể hiện trên Sao kê. Sau ngày này, nếu Chủ thẻ không trả trước hoặc trả không đủ Số tiền tối thiểu cho Vietbank thì:
- Chủ thẻ sẽ chịu một khoản phí do vi phạm cam kết giữa Vietbank và Chủ thẻ;
 - Đồng thời Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán Số tiền tối thiểu trước Ngày đến hạn thanh toán số tiền tối thiểu để tránh chuyển nhóm nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
32. Ngày đến hạn thanh toán: là ngày cuối cùng theo mỗi kỳ sao kê mà Chủ thẻ phải thực hiện thanh toán cho Vietbank theo quy định.
33. Ngày chuyển nợ quá hạn: là thời điểm hết thời hạn thanh toán theo quy định tại bảng Sao kê hoặc văn bản thông báo của Vietbank (khi Vietbank đơn phương chấm dứt “Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng” và yêu cầu Chủ thẻ thanh toán trước hạn) mà Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền thanh toán tối thiểu.
34. Ngày làm việc: là ngày mà không phải là ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ tại Việt Nam, hoặc theo quy định của Vietbank trong từng thời kỳ.
35. Tài sản bảo đảm: là tiền ký quỹ, thẻ tiết kiệm, tiền gửi, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của Vietbank, được Vietbank chấp nhận làm tài sản bảo đảm cho việc sử dụng HMTTD của Chủ thẻ.
36. Chấm dứt: là việc hủy bỏ hiệu lực của Thẻ bao gồm tất cả các đặc quyền, tiện ích của Thẻ.
37. Thời hạn sử dụng Thẻ: là thời hạn Chủ thẻ được sử dụng Thẻ và được ghi trên Thẻ.
38. Lãi suất: là lãi suất áp dụng đối với các khoản vay thông qua phát hành Thẻ, bao gồm:

- a) Lãi suất thẻ tín dụng: là lãi suất áp dụng đối với dư nợ của Thẻ theo thỏa thuận giữa Vietbank và Chủ thẻ.
 - b) Lãi suất quá hạn: là lãi suất áp dụng đối với dư nợ của Thẻ đang trong tình trạng quá hạn, mức lãi suất và thời điểm bắt đầu áp dụng lãi quá hạn được Vietbank quy định trong từng thời kỳ.
39. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với Chủ thẻ:
- a) Làm, sử dụng, chuyển nhượng và lưu trữ, lưu hành thẻ giả.
 - b) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán khống tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ).
 - c) Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ; tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ và giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật.
 - d) xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập trái phép, phá hủy chương trình hoặc cơ sở dữ liệu của hệ thống phát hành, thanh toán thẻ, chuyển mạch thẻ, bù trừ điện tử giao dịch thẻ.
 - e) Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
 - f) Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh)
 - g) Các hành vi khác theo quy định pháp luật.
40. Vietbank từ chối phát hành thẻ nếu chủ thẻ không đáp ứng đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.
41. Vietbank được quyền quyết định thu hồi thẻ trong quá trình sử dụng nếu Chủ thẻ không thực hiện đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.
42. Vietbank có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ phát sinh đối với các giao dịch thẻ theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

Điều 2. Trách nhiệm thanh toán của Chủ thẻ

1. Kể từ thời điểm ký xác nhận đã nhận được Thẻ, Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch Thẻ cùng với các khoản phí, chi phí phát sinh trên Tài khoản Thẻ do việc sử dụng Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo qui định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Vietbank mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác.
2. Trách nhiệm thanh toán của Chủ thẻ sẽ tiếp tục có hiệu lực trong trường hợp Thẻ được làm mới hay được thay thế bởi Vietbank hoặc theo yêu cầu của Chủ thẻ và bao gồm cả trường hợp Thẻ bị chấm dứt vì bất cứ lý do gì.

Điều 3. Cam kết về sử dụng thẻ

Chủ thẻ đồng ý không sử dụng Thẻ vào mục đích trái với các quy định của pháp luật và quy định của Vietbank bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi vi phạm quy định về quản lý ngoại hối, đầu tư.

Điều 4. Giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, giao dịch thanh toán trực tuyến

1. Chủ thẻ có thể sử dụng Thẻ thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ, giao dịch thanh toán trực tuyến tại các ĐVCNT, khi sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch, Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết chính xác mà Vietbank yêu cầu để cấp phép giao dịch.
2. Vietbank có quyền ghi nợ lên Tài khoản đối với bất kỳ số tiền thực hiện giao dịch của Chủ thẻ. Vietbank không phải chịu trách nhiệm về việc giao hàng hoặc chất lượng hàng hóa và/hoặc dịch vụ được thanh toán thông

qua giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm về những khiếu nại, thỏa thuận, và những vấn đề khác có liên quan trực tiếp với ĐVCNT.

Điều 5. Giao dịch rút tiền mặt

1. Chủ thẻ có thể thực hiện các giao dịch rút tiền mặt tại máy ATM và tại các TCTTT. Trong trường hợp thực hiện giao dịch tại ATM, Chủ thẻ phải sử dụng mã số bảo mật cá nhân (PIN). Được hiểu và thống nhất rằng tất cả những giao dịch rút tiền mặt bằng Thẻ chỉ được thực hiện duy nhất bởi Chủ thẻ. Chủ thẻ tuyệt đối không đòi hỏi việc xuất trình chứng từ liên quan đến bất kỳ Giao dịch Thẻ nào, và nhận thức rằng những dữ liệu lưu giữ lại của Vietbank được cho rằng là hợp lệ.
2. Vietbank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất cứ hậu quả hoặc sự thiệt hại, mất mát nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch rút tiền mặt tại ATM, và tại các TCTTT bao gồm nhưng không giới hạn việc Chủ thẻ không nhận hoặc nhận không hết số tiền được chi.
3. Vietbank có quyền giới hạn giá trị của mỗi và/hoặc tổng các giao dịch rút tiền mặt trên Thẻ trong một ngày và/hoặc được thay đổi bởi Vietbank mà không cần phải thông báo cho Chủ thẻ.

Điều 6. Dịch vụ Microsite

Là kênh tương tác giữa Chủ thẻ và Vietbank thông qua dịch vụ Internet Banking và Mobile Banking. Với kênh Microsite, Chủ thẻ có thể đề nghị Vietbank thực hiện các yêu cầu sau:

1. Xem 10 giao dịch gần nhất;
2. Thanh toán dư nợ thẻ;
3. Đăng ký trích nợ tự động;
4. Khóa/Mở Thẻ;

Điều 7. Quản lý Thẻ, thông tin Thẻ, PIN

1. Thẻ, thông tin thẻ, PIN, OTP do VietBank cung cấp cho Chủ thẻ để sử dụng thẻ phải được Chủ thẻ bảo mật một cách nghiêm ngặt và không được tiết lộ cho bất kỳ người nào khác cho dù là tự nguyện hay không. Bất kỳ hành vi sử dụng thẻ với thông tin thẻ, PIN, OTP do VietBank cung cấp cho Chủ thẻ dù được thực hiện bởi Chủ thẻ hay bất kỳ người nào đều được xem là do chính Chủ thẻ sử dụng/thực hiện và Chủ thẻ phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ hoặc chịu bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ các giao dịch đó.
2. Trong trường hợp thẻ bị mất hoặc bị lộ PIN/mã OTP hoặc lộ thông tin thẻ, Chủ thẻ phải:
 - a. Thông báo ngay cho VietBank bằng cách thông qua kênh của Tổng đài Dịch vụ khách hàng qua số Hotline 1800 1122 hoặc qua Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Vietbank (đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà Chủ thẻ đã cung cấp cho VietBank) và phải xác nhận lại thông báo này bằng văn bản với VietBank.
 - b. Nếu tìm lại được thẻ bị mất, bị lộ PIN, lộ thông tin thẻ thì Chủ thẻ không được sử dụng lại thẻ này mà phải hủy thẻ hoặc gửi lại thẻ cho VietBank;
 - c. Cung cấp các thông tin về thời gian, địa điểm bị mất thẻ, các giao dịch thẻ thực hiện cuối cùng và các thông tin khác theo yêu cầu của VietBank.

Chủ thẻ sẽ chịu tất cả các chi phí có liên quan theo quy định của Vietbank và sẽ được thông báo đến cho Chủ thẻ.

3. Thẻ là tài sản độc quyền của Vietbank và Chủ thẻ không được chuyển nhượng hoặc đưa cho người khác sử dụng. Vietbank sẽ không chịu trách nhiệm trên các hậu quả phát sinh từ việc Chủ thẻ chuyển nhượng hoặc đưa cho người khác sử dụng.
4. Thẻ sẽ có giá trị từ ngày được phát hành hoặc ngày được cấp lại cho đến ngày cuối cùng của tháng hết hạn của Thẻ đó. Khi thẻ sắp hết hạn sử dụng, Chủ thẻ cần xác nhận với VietBank về việc tiếp tục gia hạn thẻ thông qua kênh của Tổng đài Dịch vụ khách hàng qua số Hotline 1800 1122 hoặc qua Trung tâm Kinh doanh, Chi nhánh, Phòng Giao dịch. Trong trường hợp không nhận được xác nhận của Chủ thẻ, Vietbank sẽ không gia hạn thẻ.
5. Trong các trường hợp không gia hạn thẻ, Chủ thẻ đồng ý ngưng sử dụng Thẻ và Thẻ sẽ bị thu hồi bởi Vietbank hoặc bởi người được Vietbank ủy quyền. Khi đó, Dư nợ của Chủ thẻ kể cả phí và lãi của tất cả các giao dịch trở lên đến hạn ngay lập tức và bắt buộc Chủ thẻ phải thanh toán mà không cần phải có thông báo.
6. Chủ thẻ sẽ không được sử dụng Thẻ sau khi thời hạn sử dụng Thẻ đã hết hoặc chấm dứt của Hợp đồng bao gồm việc không cho phép người khác sử dụng Thẻ vì bất cứ lý do gì sau những sự kiện này. Việc tiếp tục sử dụng Thẻ sau những sự kiện này sẽ được xem như là hành vi gian lận của Chủ thẻ.
7. Trường hợp Chủ thẻ yêu cầu phát hành lại Thẻ mới hoặc thay thế Thẻ có thể dẫn đến việc thay đổi số Thẻ và/hoặc ngày hết hạn. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm thông báo sự thay đổi này cho bất kỳ bên nào mà Chủ thẻ có thể thực hiện thanh toán giao dịch. Vietbank sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ những giao dịch bị từ chối, dù là theo số Thẻ cũ hay trường hợp khác.

Điều 8. Thẻ, thông tin Thẻ, Pin bị mất, bị đánh cắp và lạm dụng

1. Trong trường hợp Thẻ, thông tin Thẻ, PIN bị mất, bị đánh cắp, hay bị sử dụng bởi một người nào khác mà không được sự ủy quyền của Chủ thẻ, thì Chủ thẻ hay người được ủy quyền bởi Chủ thẻ phải thông báo ngay lập tức cho Vietbank qua số Hotline 1800 1122 hoặc qua Trung tâm Kinh doanh, Chi nhánh, Phòng Giao dịch (đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà Chủ thẻ đã cung cấp cho VietBank) và phải xác nhận lại thông báo này bằng văn bản với VietBank.
2. Chủ thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm về tất cả những Giao dịch bằng Thẻ đã thực hiện trước khi Vietbank hoàn thành việc xử lý thông báo về việc mất, bị đánh cắp hay bị lạm dụng Thẻ, thông tin Thẻ, PIN, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả bởi bất kỳ người nào. Thời hạn Vietbank hoàn thành việc xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ không quá 05 ngày làm việc đối với thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc 10 ngày làm việc đối với thẻ có BIN do TCTQT cấp kể từ ngày nhận được thông báo của chủ thẻ.
3. Trong bất kỳ trường hợp nào, Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn cho việc sử dụng Thẻ, thông tin Thẻ, PIN, không giới hạn, nếu Chủ thẻ đã hành động gian lận hay sơ suất trong việc sử dụng hay giữ an toàn Thẻ, thông tin Thẻ, PIN. Chủ thẻ phải cung cấp ngay lập tức bất kỳ thông tin hay bằng chứng theo yêu cầu hợp lý của Vietbank để hỗ trợ cho việc điều tra về việc bị mất, bị đánh cắp hay bị lạm dụng Thẻ, thông tin Thẻ, PIN.

Điều 9. Thông báo giao dịch

1. Hàng tháng, Vietbank sẽ gửi cho Chủ thẻ một Sao kê theo địa chỉ do Chủ thẻ cung cấp hoặc qua email của Chủ thẻ, ngoại trừ trường hợp không có bất kỳ giao dịch nào phát sinh trên Tài khoản trong tháng đó. Ngày gửi sao kê do Vietbank ấn định và sẽ thông báo cho Chủ thẻ khi phát hành Thẻ. Sao kê sẽ được xem như là đã được nhận bởi Chủ thẻ hàng tháng trừ khi Chủ thẻ thông báo với Vietbank rằng không nhận được sao

kê trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày lập sao kê. Sao kê sẽ được xem là đúng, chính xác trừ khi Chủ thẻ thông báo bằng văn bản cho Vietbank bất kỳ sai sót nào trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày lập sao kê.

2. Bất kể có xảy ra những điều ngược lại, việc Chủ thẻ không nhận được hay nhận trễ Sao kê sẽ không giải trừ Chủ thẻ ra khỏi các nghĩa vụ thanh toán của mình đối với Số tiền tối thiểu trên Tài khoản vào Ngày trả trước số tối thiểu được ghi trong Sao kê.

Điều 10. Hướng dẫn của Chủ thẻ

Chủ thẻ đồng ý rằng Vietbank sẽ được quyền thực hiện các công việc mà Vietbank cho rằng phù hợp dựa trên các hướng dẫn của Chủ thẻ cho Vietbank. Sự hướng dẫn của Chủ thẻ có thể được thông báo hay trao đổi với Vietbank trong từng thời điểm thông qua thư, điện thoại, fax.

Tuy nhiên, Vietbank có quyền yêu cầu những hướng dẫn này của Chủ thẻ phải được gửi theo một mẫu cụ thể hoặc những hướng dẫn này phải được xác nhận bằng văn bản hoặc dưới hình thức khác trước khi Vietbank thực hiện dựa trên những hướng dẫn này. Vietbank sẽ có quyền xử lý hướng dẫn của Chủ thẻ như được ủy quyền hoàn toàn và Chủ thẻ bị ràng buộc trách nhiệm đối với việc thực hiện các bước liên quan đến việc hướng dẫn này.

Điều 11. Cập nhật thông tin

Chủ thẻ cam kết sẽ thông báo ngay lập tức cho Vietbank về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến thông tin của Chủ thẻ. Trường hợp Vietbank không nhận được bất kỳ thông báo nào từ Chủ thẻ về việc thay đổi thông tin của Chủ thẻ, Vietbank được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến việc sử dụng các thông tin mà Chủ thẻ đã đăng ký trước đó tại Vietbank.

Điều 12. Miễn trừ

Trách nhiệm của Chủ thẻ đối với Vietbank là tuyệt đối, bất kỳ mâu thuẫn tranh chấp giữa Chủ thẻ đối với bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào sẽ không ảnh hưởng đến những nghĩa vụ đang tồn tại của Chủ thẻ đối với Vietbank. Vietbank được miễn trừ trách nhiệm, nghĩa vụ khỏi bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà Chủ thẻ gánh chịu do phát sinh từ:

1. ĐVCNT từ chối chấp nhận Thẻ vì bất kỳ lý do gì;
2. Bất kỳ sự hư hỏng, sai sót, thiệt hại của bất kỳ máy ATM và/hoặc bất kỳ thiết bị chấp nhận Thẻ nào;
3. Chậm trễ hay không thể thực hiện trách nhiệm trong Hợp đồng này bởi bất kỳ sự cố hỏng hóc của máy móc, dữ liệu, trao đổi thông tin, thiên tai hay bất kỳ sự kiện nào vượt khỏi sự kiểm soát của Vietbank hoặc là do hậu quả của sự gian lận hay giả mạo;
4. Không thể tiếp cận dữ liệu và/hoặc thông tin từ Thẻ; và
5. Khiếm khuyết, hỏng hóc của hàng hóa và/hoặc dịch vụ mà Chủ thẻ mua hoặc sử dụng. Vietbank được miễn trừ khỏi bất kỳ tổn thất về danh dự và/hoặc uy tín của Chủ thẻ, bao gồm cả trường hợp Giao dịch bị từ chối, Thẻ bị thu hồi hay Hợp đồng bị chấm dứt.

Điều 13. Điều khoản bất khả kháng

1. Bất khả kháng là những sự kiện/tình huống xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép.
2. Không bên nào sẽ chịu trách nhiệm cho bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ phần nào của Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó bị gây ra bởi sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi: cháy nổ, bão lụt, hạn hán, động đất, chiến tranh, khủng bố, đình

công, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, dịch bệnh,.... hay các nguyên nhân khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi bên và không có lỗi hay lỗi của bên chậm trễ hay vi phạm.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên còn lại.
4. Trong trường hợp việc thực hiện Hợp đồng của một bên chậm trễ trong một thời hạn quá 30 (ba mươi) ngày từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng thì một trong các bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào (tuy nhiên bên có nghĩa vụ phải hoàn tất các nghĩa vụ đến hạn tính từ ngày liền kề ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng).

Điều 14. Xử lý tra soát, khiếu nại

1. Thời hạn tối đa tiếp nhận khiếu nại giao dịch lần một là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại hoặc ngày bút toán (ghi nợ) giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại ghi nợ vào tài khoản thẻ. Đối với trường hợp khiếu nại giao dịch lần thứ 02 (hai), thời hạn tối đa tiếp nhận khiếu nại giao dịch là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Vietbank phản hồi kết quả khiếu nại lần thứ nhất.
Đối với các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ thực hiện sau thời hạn tối đa tiếp nhận (tính cả thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày lễ, tết), Vietbank sẽ từ chối yêu cầu tra soát, khiếu nại.
2. Thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại tại Vietbank tối đa không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc đối với thẻ tín dụng nội địa hoặc không quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc đối với thẻ tín dụng quốc tế kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ hoặc từ ngày giao dịch khiếu nại được ghi nợ vào Tài khoản của Chủ thẻ. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc tiếp theo, Vietbank sẽ thỏa thuận với Chủ thẻ về phương án xử lý cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.
3. Vietbank thực hiện hoàn trả số tiền giao dịch khiếu nại trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Vietbank thông báo kết quả hoàn tiền cho Chủ thẻ.
4. Trong mọi trường hợp khiếu nại không thành công, Chủ thẻ chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất về tài chính đối với các giao dịch được thực hiện trên thẻ Chip mà chủ thẻ cho là giao dịch giả mạo.
5. Chủ thẻ có trách nhiệm xuất trình thẻ cho Vietbank để phục vụ công tác tra soát khiếu nại khi có yêu cầu.
6. Trong trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Vietbank sẽ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Việc xử lý tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có kết luận, Vietbank thỏa thuận với Chủ thẻ về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.
7. Vietbank không chịu trách nhiệm đối với các khiếu nại, yêu cầu tra soát các giao dịch có giá trị nhỏ hơn 25 USD (hai mươi lăm đô la Mỹ) hoặc có giá trị tương đương (theo tỷ giá quy định của các TCTQT) tại các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí theo quy định của các TCTQT (ví dụ: hàng không, dịch vụ thuê xe, đi tàu biển, đi tàu hỏa, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, đại lý du lịch ...), và các giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 10 USD (mười đô la Mỹ) hoặc có giá trị tương đương (theo tỷ giá quy định của các TCTQT) tại các loại hình ĐVCNT khác. Vietbank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào với Chủ

thẻ về các tổn thất, thiệt hại liên quan đến giao dịch Thẻ trong trường hợp ĐVCNT từ chối thẻ mà nguyên nhân không phải là lỗi của Vietbank hoặc do lỗi của Chủ thẻ trong quá trình sử dụng thẻ và/hoặc do chủ thẻ vi phạm thỏa thuận được quy định trong Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ Tín dụng này.

8. Chủ thẻ đồng ý rằng các giao dịch nào được thực hiện trước khi Vietbank xác nhận thông qua các kênh chính thức của Vietbank như: tại Chi nhánh/Phòng giao dịch, qua Tổng đài Dịch vụ Khách hàng 1800 1122 về việc đã xử lý thông báo/yêu cầu từ Chủ thẻ được xem là các giao dịch hợp lệ và Vietbank không phải chịu trách nhiệm đối với các giao dịch này.
9. Trong trường hợp Vietbank từ chối xử lý tra soát, khiếu nại (do Chủ thẻ khiếu nại sau thời gian quy định; khiếu nại, yêu cầu tra soát giao dịch có giá trị nhỏ hơn mức quy định) hoặc đang trong quá trình xử lý tra soát, khiếu nại mà chưa có kết quả, thì Chủ thẻ vẫn có nghĩa vụ thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền của các giao dịch, phí phát sinh cho Vietbank.
10. Trường hợp Vietbank, Chủ thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Chấm dứt sử dụng thẻ

1. Chấm dứt bởi Vietbank

a) Vietbank có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ trước hạn mà không cần báo trước cho Chủ thẻ trong các trường hợp sau:

- (i) Chủ thẻ có một hoặc một số khoản vay và/hoặc Thẻ chuyển sang nợ quá hạn tại Vietbank và/hoặc tại các Tổ chức tín dụng khác và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ. Việc xem xét Chủ thẻ có nguy cơ không có khả năng trả nợ là tùy theo nhận định của Vietbank;
- (ii) Việc duy trì HMTTD, theo nhận định của Vietbank, dẫn đến Vietbank vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- (iii) Chủ thẻ cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp HMTTD;
- (iv) Chủ thẻ chết mà không có người thừa kế hợp pháp;
- (v) Chủ thẻ bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- (vi) Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của TCTQT;
- (vii) Chủ thẻ vi phạm (các) Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng do Vietbank quy định và/hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình sử dụng thẻ;
- (viii) Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ theo nhận định của Vietbank;
- (ix) Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật hoặc theo quy định của TCTQT;
- (x) Các quy định khác trong từng thời kỳ của Vietbank.

- b) Khi Vietbank chấm dứt sử dụng thẻ của Chủ thẻ, Vietbank sẽ tiến hành đồng thời việc thu hồi Thẻ chính và (các) Thẻ phụ (nếu có), đồng thời áp dụng các biện pháp để thu hồi các khoản nợ (gốc, lãi, phí, phạt) và các khoản phải thanh toán của Chủ thẻ với Vietbank theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Vietbank và Chủ thẻ.
 - c) Thư yêu cầu về việc chấm dứt sử dụng thẻ/hủy thẻ sẽ được xem là biên bản thanh lý việc sử dụng của Chủ thẻ với điều kiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Vietbank của Chủ thẻ hoàn thành.
 - d) Sau thời hạn yêu cầu thanh toán được Vietbank thể hiện trong thông báo về việc chấm dứt sử dụng thẻ mà Chủ thẻ không thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số Dư nợ theo yêu cầu, thì Vietbank sẽ chuyển toàn bộ Dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định của pháp luật và áp dụng các biện pháp để xử lý, thu hồi nợ và các chi phí có liên quan.
2. Chấm dứt bởi Chủ thẻ
- a) Chủ thẻ có thể yêu cầu bằng văn bản về việc chấm dứt sử dụng Thẻ, đóng Tài khoản và Vietbank chỉ thực hiện yêu cầu khi Chủ thẻ đã hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng Thẻ với Vietbank và tất cả khiếu nại (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Thẻ đã được giải quyết xong;
 - b) Việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện sau:
 - (i) Chủ thẻ thanh toán hết Dư nợ và giá trị của các giao dịch chưa được ghi nợ vào tài khoản thẻ (nếu có);
 - (ii) Tất cả khiếu nại (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Thẻ đã được giải quyết xong; và
 - (iii) Chủ thẻ đã hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng Thẻ với Vietbank.
 - c) Tài sản đảm bảo của Chủ thẻ sẽ được giải chấp sau khi việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực.
3. Việc chấm dứt sử dụng Thẻ không ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện này. Các nội dung của Hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện này vẫn có giá trị ràng buộc đối với các bên cho đến khi Chủ thẻ hoàn tất mọi nghĩa vụ tài chính đối với Vietbank..
4. Sau khi chấm dứt việc sử dụng Thẻ và Chủ thẻ đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với Vietbank mà bất kỳ khoản dư có nào của Tài khoản đã được đóng mà không có người nhận, sau 06 (sáu) tháng sẽ trở thành tài sản của Vietbank.

Điều 16. Từ chối thanh toán thẻ

- 1. Vietbank phải từ chối thanh toán thẻ trong các trường hợp sau:
 - a) Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 của Điều khoản và Điều kiện này;
 - b) Thẻ đã được chủ thẻ thông báo bị mất;
 - c) Thẻ hết hạn sử dụng;
 - d) Thẻ bị khóa.
 - e) Các trường hợp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật.
- 2. Vietbank được từ chối thanh toán thẻ theo thỏa thuận trong các trường hợp sau:
 - a) Số dư tài khoản thanh toán, hạn mức tín dụng hoặc hạn mức thấu chi còn lại (nếu có) không đủ chi trả khoản thanh toán;
 - b) Chủ thẻ quy phạm các quy định của Vietbank trong các thỏa thuận của chủ thẻ với Vietbank mà theo đó thẻ bị từ chối thanh toán.

Điều 17. Vietbank, ĐVCNT và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền tạm khóa, thu giữ thẻ hoặc hủy hiệu lực của thẻ trong các trường hợp sau:

1. Thẻ giả;
2. Thẻ sử dụng trái phép;
3. Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật;
4. Các trường hợp thu giữ thẻ khác được thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật.

Điều 18. Trao đổi bằng điện thoại

Chủ thẻ đồng ý rằng bằng cách gọi điện thoại hay chấp nhận cuộc gọi từ Vietbank hay bất kỳ bên thứ ba được ủy quyền nào, Vietbank hoặc bên thứ ba được ủy quyền có thể, tùy theo sự quyết định của mình, ghi âm lại tất cả những trao đổi của Chủ thẻ qua điện thoại. Như thế, Chủ thẻ đồng ý rằng những trao đổi được ghi âm lại đó có thể được Vietbank hay bất kỳ bên thứ ba nào sử dụng vì bất kỳ mục đích gì, bao gồm sử dụng làm bằng chứng trong quá trình tố tụng giải quyết tranh chấp hoặc trong các thủ tục hành chính.

Điều 19. Thông báo

1. Các kênh thông báo cho Chủ thẻ
 - a) Qua đường bưu điện.
 - b) Qua thư điện tử, fax.
 - c) Qua tin nhắn tự động, điện thoại trực tiếp, gửi trực tiếp.
 - d) Qua website chính thức của Vietbank.
 - e) Các hình thức khác theo quy định của Vietbank trong từng thời kỳ
2. Thời gian thông báo

Thông báo được xem như đã được gửi cho Chủ thẻ, cụ thể:

 - a) Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi (theo dấu bưu điện) nếu gửi bằng thư.
 - b) Vào ngày gửi đi nếu gửi bằng fax, thư điện tử.
 - c) Vào ngày nhận nếu gửi qua tin nhắn tự động, điện thoại trực tiếp, gửi trực tiếp.
 - d) Vào ngày công bố trên website chính thức của Vietbank.
 - e) Vào ngày Vietbank thực hiện thông báo công khai theo hình thức khác.
3. Chủ thẻ có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thay đổi phí, các hướng dẫn và nội dung về dịch vụ Thẻ và Bản Điều khoản và Điều kiện này; đồng thời, duy trì các phương tiện, công cụ, địa chỉ để tiếp nhận thông tin do Vietbank thông báo.

Điều 20. Tăng/giảm HMTTD

Vietbank có quyền quyết định tăng hoặc giảm HMTTD đã áp dụng cho Chủ thẻ và thông báo cho Chủ thẻ về sự điều chỉnh này.

Điều 21. Hạn mức giao dịch

Hạn mức giao dịch Thẻ là hạn mức giao dịch tối đa mà Chủ thẻ được phép giao dịch trong 01 (một) lần/ngày/kỳ lập sao kê, bao gồm: hạn mức giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, hạn mức giao dịch rút tiền mặt, hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến. Hạn mức giao dịch được Vietbank quy định cụ thể và thông báo đến Chủ thẻ trong từng thời kỳ.

Điều 22. Tất cả các Giao Dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Vietbank chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu được ghi trên sao kê

1. Việc tự động thanh toán cũng có thể được thực hiện trong trường hợp Chủ thẻ có tài khoản tiền gửi tại bất kỳ tổ chức nào mà Vietbank thỏa thuận về việc ghi nợ tự động để thu nợ từ tài khoản. Chủ thẻ phải đảm bảo rằng bất kỳ tài khoản thanh toán chỉ định nào phải có đủ số dư để thanh toán cho các khoản nợ. Nếu số tiền trong tài khoản thanh toán chỉ định này, vào ngày Vietbank thực hiện trích tiền theo thỏa thuận, không đủ để trích nợ theo tỷ lệ đã đăng ký, Vietbank có quyền nhưng không bắt buộc thực hiện trích tiền vào (các) ngày làm việc tiếp theo, hoặc trích số dư khả dụng trong tài khoản thanh toán để thanh toán nợ.
2. Chủ thẻ phải thanh toán trực tiếp hoặc gián tiếp đối với số tiền nợ còn lại đúng thời hạn và chịu tất cả các khoản phí, phạt, tiền lãi, nếu có.
3. Trong trường hợp sau Ngày trả trước số tiền tối thiểu được ghi trên sao kê mà Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền tối thiểu thì Vietbank có quyền tự động trích hoặc phong tỏa các tài khoản tiền gửi/tiết kiệm của Chủ thẻ tại Vietbank (mà không cần có sự thỏa thuận, chấp nhận trước giữa Vietbank và Chủ thẻ).

Điều 23. Thứ tự ưu tiên thanh toán dư nợ

Việc thanh toán của Chủ thẻ được thực hiện theo thứ tự thời gian phát sinh giao dịch và theo thứ tự ưu tiên thanh toán số Dư nợ như sau:

1. Các khoản liên quan giao dịch trả góp (số tiền trả góp định kỳ và các khoản phí liên quan) nếu có
2. Số tiền phí của kỳ trước.
3. Số tiền lãi của kỳ trước.
4. Số tiền giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
5. Số tiền giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ của kỳ trước.
6. Số tiền phí trong kỳ.
7. Số tiền lãi trong kỳ.
8. Số tiền giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
9. Số tiền giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong kỳ.

Trường hợp Dư nợ của Chủ thẻ chuyển nợ quá hạn thì việc thanh toán nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 24. Giao dịch ngoại hối

Chủ thẻ phải thanh toán bằng đồng Việt Nam đối với các Giao dịch được thực hiện bằng ngoại tệ. TCTQT hoặc Vietbank sẽ quy đổi số tiền ngoại tệ này bằng cách sử dụng tỷ giá thị trường ngân hàng được xác định bởi Vietbank hoặc những quy định của TCTQT. Vietbank sẽ áp dụng phí quy đổi ngoại tệ.

Điều 25. Phương thức tính lãi suất Thẻ

1. Lãi suất áp dụng: Theo quy định Vietbank tại từng thời kỳ
 - a) Đối với giao dịch rút tiền mặt: Vietbank sẽ tính lãi (ngoài phí rút tiền mặt) đối với số tiền giao dịch tính từ ngày giao dịch được cập nhật vào hệ thống đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt;
 - b) Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ: Vietbank không tính lãi trên số tiền giao dịch nếu Chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ phát sinh trong kỳ đúng hạn quy định. Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền phải thanh toán tối thiểu hoặc thanh toán sau ngày đến hạn thanh toán, Vietbank sẽ thực hiện tính lãi số Dư nợ cuối kỳ tính từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ phát sinh.

2. Lãi phát sinh được tính trên Dư nợ gốc theo phương thức dư nợ giảm dần kể từ ngày phát sinh Giao dịch thẻ, phí, lãi cho đến ngày toàn bộ Dư nợ gốc được thanh toán.
3. Điều kiện miễn lãi của giao dịch Thẻ: phải đáp ứng đồng thời 3 điểm dưới đây:
 - a) Loại Dư nợ áp dụng: dư nợ của các giao dịch phát sinh trong kỳ, bao gồm:
 - (i) Dư nợ của giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ;
 - (ii) Dư nợ của giao dịch thanh toán trực tuyến;
 - (iii) Các giao dịch khác được Vietbank quy định từng thời kỳ.
 - b) Điều kiện áp dụng: tại thời điểm phát sinh giao dịch, Thẻ phải đáp ứng một trong ba điều kiện sau:
 - (i) Dư nợ đầu kỳ bằng 0, hoặc
 - (ii) Dư nợ đầu kỳ của các loại giao dịch được liệt kê tại Điểm a. Khoản 26.3 không bị tính lãi và Chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ trước chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu, hoặc
 - (iii) Trường hợp dư nợ đầu kỳ của các loại giao dịch được liệt kê tại Điểm a. Khoản 26.3 bị tính lãi, trước thời điểm phát sinh giao dịch mới, Chủ thẻ đã thanh toán toàn bộ Dư nợ và lãi dự thu tính đến thời điểm thanh toán Dư nợ.
 - c) Chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ của kỳ sao kê kế tiếp chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu của kỳ sao kê kế tiếp.
4. Vietbank có quyền điều chỉnh mức lãi suất trong từng thời kỳ và sẽ thông báo cho Chủ thẻ qua các kênh thông báo được quy định tại Điều 20.1.

Điều 26. Chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn

1. Đến hết ngày lập sao kê của kỳ thứ ba (03), nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền tối thiểu của kỳ sao kê thứ nhất (01), Tài khoản thẻ của Chủ thẻ sẽ chuyển sang nợ quá hạn, số dư nợ quá hạn là số tiền còn lại chưa được thanh toán của Số tiền tối thiểu của kỳ sao kê thứ hai (02). Từ thời điểm này, Vietbank có quyền từ chối các giao dịch phát sinh (nếu có) của tất cả các Thẻ của Chủ thẻ cho đến khi Chủ thẻ thanh toán đủ số dư nợ quá hạn.
2. Đến hết ngày lập sao kê của kỳ thứ năm (05), nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền tối thiểu của kỳ sao kê thứ nhất (01), Vietbank sẽ chuyển toàn bộ tổng dư nợ sang dư nợ quá hạn và áp dụng Lãi suất quá hạn theo quy định của Vietbank.
3. Sau khi chuyển nợ quá hạn Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Vietbank có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:
 - a) Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ Dư nợ;
 - b) Áp dụng Lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Vietbank;
 - c) Tiến hành áp dụng một hoặc nhiều biện pháp để thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ;
 - d) Trong trường hợp này, Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang Vietbank sẽ thay mặt Chủ thẻ để ký bất kỳ/tất cả tài liệu và thực hiện bất kỳ/tất cả các hành động cần thiết để thu nợ của Chủ thẻ;
 - e) Đưa tên của Chủ thẻ vào danh sách các Chủ thẻ vi phạm (hoặc các loại danh sách tương tự) của Vietbank, của bất kỳ cơ quan nhà nước hoặc của tổ chức nào khác, theo quyền quyết định của Vietbank; và
 - f) Có quyền ưu tiên so với các chủ nợ khác trong việc thu hồi nợ, theo thủ tục hợp pháp, truy đòi bất kỳ khoản nợ bằng việc giữ lại bất kỳ số tiền hoặc bất kỳ tài sản thuộc quyền sở hữu của Chủ thẻ và đồng chủ sở hữu (nếu có) được giữ bởi Vietbank hoặc Vietbank thay mặt cho Chủ thẻ và đồng chủ sở hữu (nếu

có). Trong đó, chủ sở hữu và đồng chủ sở hữu (nếu có) đã đồng ý bằng văn bản cho phép Vietbank thu hồi nợ.

Điều 27. Bên cạnh lãi suất, Chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí sau đây

1. Phí phát hành: là phí được thu trên mỗi Thẻ phát hành mới.
2. Phí thường niên: là phí ban đầu và phí định kỳ duy trì Thẻ hằng năm.
3. Phí rút tiền mặt: được tính trên số tiền ghi nợ của giao dịch rút tiền mặt. Phí này chưa bao gồm các phí được thu tại ĐVCNT hoặc tại ATM.
4. Phí vắn tin tài khoản: được thu khi Chủ thẻ thực hiện vắn tin Tài khoản thẻ.
5. Phí in sao kê tài khoản: được thu khi Chủ thẻ thực hiện in sao kê Tài khoản thẻ.
6. Phí thay đổi hạng Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi sang hạng Thẻ khác.
7. Phí thay đổi HMTTD tạm thời: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu tăng HMTTD tạm thời.
8. Phí thay đổi HMTTD: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi HMTTD.
9. Phí thay đổi hình thức bảo đảm sử dụng Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi hình thức bảo đảm.
10. Phí thanh lý thẻ: được thu khi Chủ thẻ thanh lý thẻ trước ngày hết hạn của thẻ.
11. Phí thay Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay thế Thẻ trước ngày hết hạn của Thẻ.
12. Phí báo mất Thẻ: được thu khi Chủ thẻ thông báo cho Vietbank việc Thẻ bị thất lạc, mất cắp, khi Chủ thẻ không hoàn lại Thẻ cho Vietbank khi làm thủ tục hủy Thẻ, gia hạn Thẻ, thay Thẻ.
13. Phí cấp lại PIN: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu tạo PIN mới hoặc yêu cầu Vietbank cấp lại số PIN mới.
14. Phí chậm thanh toán: được tính trên Số tiền tối thiểu còn lại khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền tối thiểu chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu.
15. Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao hóa đơn giao dịch.
16. Phí cấp lại sao kê: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu cấp lại sao kê.
17. Phí gửi sao kê: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu gửi sao kê hàng tháng qua đường bưu điện.
18. Phí khiếu nại: được thu khi Chủ thẻ khiếu nại không đúng hoặc không chính xác Giao dịch Thẻ.
19. Phí chuyển đổi ngoại tệ và Phí dự phòng biến động tỷ giá: được thu khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch ngoại tệ hoặc giao dịch nội tệ ở nước ngoài (giao dịch nội tệ ở nước ngoài bao gồm: các giao dịch tại nước ngoài được quy đổi sang đồng Việt Nam hoặc giao dịch tại các trang thương mại điện tử nước ngoài có giá ấn định bằng ngoại tệ và cho phép chọn đồng Việt Nam để thanh toán). Phí được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch được ghi nhận vào Tài khoản
20. Phí xử lý giao dịch: được áp dụng đối với các giao dịch khác VND, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch đó được ghi nợ vào tài khoản Thẻ.
21. Phí hoàn lại dư có: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu hoàn lại số dư có trong Thẻ tín dụng.
22. Phí xác nhận thông tin Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu xác nhận các thông tin về Thẻ của Chủ thẻ.
23. Phí dịch vụ giao Thẻ hoặc PIN theo yêu cầu: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu giao Thẻ hoặc PIN tận tay, chỉ áp dụng đối với Thẻ hoặc PIN được phát hành lại từ lần thứ hai trở đi.
24. Phí dịch vụ tin nhắn SMS: được thu khi Chủ thẻ gửi tin nhắn SMS để đề nghị Vietbank xử lý các yêu cầu về Thẻ.
25. Phí dịch vụ đặc biệt: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu Vietbank thực hiện các yêu cầu đặc biệt.
26. Các phí khác: bao gồm các phí được thu khi Chủ thẻ sử dụng dịch vụ liên quan đến Thẻ được cung cấp bởi Vietbank và/hoặc các tổ chức Thẻ trong nước và quốc tế.

Phí sẽ được tính toán theo tỷ lệ phần trăm được xác định trước hoặc với một mức phí cố định tối thiểu, hoặc bao gồm cả hai.

Tất cả các phí được ghi nợ vào Tài khoản của Chủ thẻ, ngay lập tức hay vào sao kê kỳ kế tiếp tùy theo từng trường hợp.

Chi tiết các loại phí được quy định trong Biểu phí của Vietbank. Biểu phí là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này. Vietbank có quyền thay đổi Biểu phí, hoặc bất kỳ phí nào mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ.

Điều 28. Thẻ phụ

1. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu Vietbank phát hành Thẻ phụ. Số lượng Thẻ phụ tối đa có thể thay đổi tùy theo quy định của Vietbank. Việc phát hành Thẻ phụ sẽ thuộc quyền quyết định và lựa chọn của Vietbank. Việc sử dụng Thẻ phụ sẽ là bằng chứng của sự biết trước và đồng ý của Chủ thẻ chính.
2. Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ cùng chịu trách nhiệm liên đới và mỗi người chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ giữa Chủ thẻ và Vietbank. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm với Vietbank về việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ, có trách nhiệm thanh toán cho Vietbank tất cả các giao dịch thẻ có chữ ký của chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ trên hoá đơn cũng như có sử dụng số PIN. Trường hợp Chủ thẻ chính bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi thì việc thanh toán cho Vietbank và việc thừa hưởng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của chủ thẻ chính hoặc số tiền còn lại trên thẻ trả trước danh được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Sửa đổi điều khoản và điều kiện

1. Bằng việc chấp nhận các quy định tại Hợp đồng này thông qua việc sử dụng Thẻ, Chủ thẻ đồng ý rằng Vietbank có quyền sửa đổi, bổ sung những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, bao gồm các phí và lãi suất của Thẻ bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo trước khi có hiệu lực cho Chủ thẻ bằng các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ Chủ thẻ đã cung cấp cho Vietbank hoặc công bố trên website của Vietbank hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Vietbank.
2. Các sửa đổi, bổ sung có giá trị nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi sự sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trừ khi Chủ thẻ phản đối bằng cách biểu lộ ý định chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo điều kiện được quy định tại Điều 15.2 trong vòng 05 (năm) ngày kể từ Vietbank thông báo việc sửa đổi, bổ sung.

Điều 30. Khước từ quyền lợi, nghĩa vụ từ việc vi phạm Hợp đồng

Không có sự từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ từ việc vi phạm bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của Hợp đồng này sẽ tạo thành sự từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ từ vi phạm tương tự hay những vi phạm các điều khoản hoặc điều kiện khác. Việc không tận dụng hay không thực hiện các quyền được cho phép theo thỏa thuận này sẽ không hình thành việc khước từ quyền hạn, nghĩa vụ nêu trên hay sẽ không được diễn giải là giải trừ cho Chủ thẻ khỏi việc tuân thủ hoặc thực hiện các điều khoản và điều kiện đó.

Điều 31. Sự riêng biệt

Nếu bất kỳ các điều khoản và điều kiện hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Hợp đồng này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không buộc thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì những điều đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện khác, một phần hoặc tất cả khoản mục của tài liệu này.

Điều 32. Chuyển nhượng

Vietbank có quyền chuyển nhượng hay chuyển giao bằng hình thức khác toàn bộ hay một phần quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này đối với bên thứ ba bằng việc thông báo trước cho Chủ thẻ. Chủ thẻ sẽ thực hiện bất kỳ hành động nào hay chấp nhận tài liệu nào khi Vietbank có thể hướng dẫn để tác động đến việc chuyển nhượng và chuyển giao được quy định trong điều khoản này.

Điều 33. Luật điều chỉnh

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Việt Nam về việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ.

Điều 34. Tranh chấp

Trường hợp có tranh chấp mà các bên không thể giải quyết được bằng thương lượng thì việc tranh chấp sẽ được đưa ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo luật pháp của Việt Nam.

Điều 35. Gia hạn Thẻ tín dụng

Khi Thẻ sắp hết hạn sử dụng, Vietbank có quyền nhưng không có nghĩa vụ thông báo cho Chủ thẻ về việc gia hạn Thẻ qua thư, điện thoại hoặc các hình thức khác. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo hoặc tin nhắn, nếu Vietbank không nhận được phản hồi của Chủ thẻ về việc không tiếp tục sử dụng Thẻ, đồng nghĩa với việc Chủ thẻ đồng ý tiếp tục sử dụng Thẻ, khi đó, Thẻ mới sẽ được Vietbank gửi đến cho Chủ thẻ theo địa chỉ đã đăng ký. Vietbank không chịu trách nhiệm về việc Thẻ bị thất lạc, bị mất, đánh cắp hay lạm dụng trong trường hợp này.

PHẦN 2: ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

- Chủ thẻ đồng ý áp dụng cam kết tuân thủ điều khoản và điều kiện chung về xử lý dữ liệu cá nhân của ngân hàng Vietbank.
- Điều khoản điều kiện chung về xử lý dữ liệu cá nhân thuộc Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng là một phần không thể tách rời của “Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng” và các thỏa thuận điều khoản và điều kiện khác chi phối mối quan hệ giữa Chủ thẻ với Vietbank. Bằng việc ký vào bản Điều khoản và điều kiện này, Chủ thẻ cam kết đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận các quy định liên quan đến việc sử dụng dịch vụ của Vietbank tại bản Điều khoản và Điều kiện này và các quy định khác có liên quan.

Điều 1. Các điều khoản chung về xử lý dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ

1. Dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
2. Xử lý dữ liệu cá nhân là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.
3. Cam kết của Vietbank về bảo vệ thông tin Chủ thẻ
 - a) Vietbank đề cao và tôn trọng quyền riêng tư, bảo mật và an toàn thông tin cá nhân. Đồng thời, Vietbank luôn nỗ lực bảo vệ thông tin cá nhân, quyền riêng tư của Chủ thẻ (bao gồm cả những chủ thẻ có liên quan của Chủ thẻ) và tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam thông qua những biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- b) Vietbank chỉ thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ phù hợp với quy định của pháp luật và trong phạm vi (các) thỏa thuận giữa Ngân hàng và Chủ thẻ.
- c) Dữ liệu cá nhân được lưu trữ một cách thích hợp và trong phạm vi cần thiết nhằm mục đích xử lý phù hợp với quy định pháp luật áp dụng.

4. Loại dữ liệu Cá nhân được Vietbank thu thập và xử lý:

Tùy theo từng dịch vụ cụ thể, trong từng thời điểm cụ thể, theo quy định pháp luật, quy định của Vietbank. Vietbank có thể thu thập và xử lý các dữ liệu cá nhân sau đây của Chủ thẻ:

4.1 Dữ liệu cá nhân nhóm 1 (Dữ liệu cá nhân cơ bản):

- Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
- Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích và thông tin giấy tờ có liên quan;
- Giới tính;
- Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, thông tin giấy khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;
- Quốc tịch;
- Hình ảnh của cá nhân, Thông tin giọng nói;
- Dữ liệu điện tử;
- Số điện thoại, Thông tin chứng minh nhân dân, căn cước công dân, thông báo số định danh cá nhân, hộ chiếu, Visa, thẻ cư trú; Số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế;
- Thông tin về tài sản thuộc sở hữu/thuộc quyền sử dụng của Chủ thẻ/Bên thứ ba/ Người có liên quan (NLQ);
- Tình trạng hôn nhân;
- Thông tin về nghề nghiệp, thu nhập, tình trạng việc làm (bao gồm nhưng không giới hạn: nghề nghiệp, cơ quan, địa chỉ làm việc, chức vụ, thông tin giấy phép lao động, thông tin hợp đồng lao động, email, mã số thuế cá nhân/doanh nghiệp, mức thu nhập, hình thức trả lương và các thông tin có liên quan khác);
- Thông tin về mối quan hệ gia đình (vợ chồng, cha mẹ, con cái);
- Thông tin về tài khoản số của cá nhân; Dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng;
- Các thông tin khác gắn liền với Chủ thẻ hoặc giúp xác định Chủ thẻ không thuộc Dữ liệu cá nhân nhóm 2 nêu dưới đây.

4.2 Dữ liệu cá nhân nhóm 2 (Dữ liệu cá nhân nhạy cảm):

- Quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo;
- Tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, không bao gồm thông tin về nhóm máu;
- Thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc;
- Thông tin về đặc điểm di truyền được thừa hưởng hoặc có được của cá nhân;
- Thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của cá nhân;
- Dữ liệu về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật;

- Thông tin tranh chấp liên quan đến Chủ thẻ/Bên thứ ba/NLQ và/hoặc tài sản của Chủ thẻ/Bên thứ ba/NLQ;
- Thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin khác về định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; thông tin về hợp đồng giao kết với đối tác thông qua Vietbank;
- Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua thiết bị/hệ thống/dịch vụ định vị và các nguồn cung cấp dữ liệu liên quan khác;
- Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định là đặc thù và cần có biện pháp bảo mật cần thiết.

4.3 Dữ liệu cá nhân nhóm 3:

- Dữ liệu được tạo lập/trích xuất từ hoặc liên quan đến hệ thống kỹ thuật (bao gồm thiết bị, ứng dụng, phần mềm, hệ điều hành, trình duyệt, địa chỉ IP, hệ thống kỹ thuật khác) như: thông tin cài đặt ngôn ngữ, ngày và giờ kết nối với trang tin điện tử, thống kê sử dụng ứng dụng, cài đặt ứng dụng, ngày và giờ kết nối với ứng dụng; tên tài khoản; mật khẩu; chi tiết đăng nhập bảo mật; dữ liệu sử dụng; dữ liệu, thông tin liên quan khác.
- Dữ liệu được tạo lập/trích xuất liên quan đến các mối quan tâm đối với quảng cáo; dữ liệu cookie (một tập hợp các tệp thông tin do chính người dùng tạo ra mỗi lần truy cập vào một website nào đó và để lại dữ liệu duyệt web); dữ liệu clickstream (một phần mềm phân tích thu thập dữ liệu khi người dùng nhấp chọn các địa chỉ trên trình duyệt web); lịch sử duyệt web; phản ứng với tiếp thị trực tiếp; và lựa chọn không tham gia tiếp thị trực tiếp; dữ liệu, thông tin liên quan khác.

Điều 2. Mục đích xử lý dữ liệu cá nhân

Vietbank có thể xử lý dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ cho một hoặc nhiều mục đích nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, kinh doanh, vận hành, quản lý, hoạt động của Vietbank, chẳng hạn như:

1. Để cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Để cung cấp các tiện ích, sản phẩm hoặc dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bao gồm nhưng không giới hạn các nhóm hoạt động sau:
 - a) Các hoạt động ngân hàng theo quy định pháp luật.
 - b) Liên lạc với Chủ thẻ, cung cấp cho Chủ thẻ thông tin cập nhật về các thay đổi đối với sản phẩm, dịch vụ và tiện ích (do Vietbank cung cấp hoặc thông qua Vietbank) bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung, mở rộng, đình chỉ và thay thế hoặc đối với các sản phẩm, dịch vụ và tiện ích đó; thu thập ý kiến của Chủ thẻ thông qua các cuộc khảo sát.
 - c) Giải quyết, phản hồi bất kỳ khiếu nại hoặc tranh chấp nào của Chủ thẻ hoặc có liên quan đến Chủ thẻ.
 - d) Xác minh danh tính của Chủ thẻ, nhận biết/nhận diện/định danh Chủ thẻ nhằm mục đích cung cấp các phương tiện/sản phẩm/dịch vụ của Vietbank.
 - e) Cung cấp, trao đổi thông tin, tuân thủ tất cả các văn bản quy phạm pháp luật, luật, quy định, quy tắc, công văn, chỉ thị, lệnh, hướng dẫn và/hoặc yêu cầu hiện hành từ bất kỳ cơ quan nhà

nước có thẩm quyền.

- f) Nhận biết, xác minh thông tin chính xác về nhận biết Chủ thẻ: tìm kiếm, xác minh và tiến hành kiểm tra về hoạt động phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, vũ khí hủy diệt hàng loạt, tín dụng và các hoạt động kiểm tra khác với Chủ thẻ theo yêu cầu.
 - g) Để Vietbank cân nhắc việc cung cấp hoặc tiếp tục cung cấp sản phẩm dịch vụ cho Chủ thẻ.
 - h) Thực hiện các giao dịch chuyển nhượng, chuyển giao quyền sở hữu tài khoản.
 - i) Thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc kinh doanh, vận hành, quản lý, hoạt động của Vietbank hoặc các mục đích khác theo đánh giá của Vietbank và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.
3. Sử dụng, phân tích dữ liệu cá nhân để phát triển, cung cấp, cải tiến nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ gồm:
- a) Tạo dữ liệu, báo cáo và thống kê, phản hồi cho Vietbank và/hoặc cho các bên có liên quan.
 - b) Tiến hành nghiên cứu thị trường, khảo sát và phân tích dữ liệu liên quan đến sản phẩm dịch vụ, tiện ích do Vietbank tự cung cấp và/hoặc Vietbank cùng với các bên khác cung cấp;
 - c) Đánh giá rủi ro, phân tích xu hướng, thống kê, lên kế hoạch kinh doanh.
 - d) Thu thập, ghi nhận đánh giá, ý kiến phản hồi của Chủ thẻ thông qua các cuộc khảo sát để cải thiện chất lượng dịch vụ.

Điều 3. Việc chuyển giao và tiết lộ dữ liệu cá nhân

Tùy thuộc và từng loại sản phẩm, dịch vụ mà Chủ thẻ sử dụng, Vietbank được phép chia sẻ dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ với một/một số/tất cả các chủ thể sau:

1. Các công ty tư vấn chuyên nghiệp.
2. Các đối tác tài chính, các ngân hàng thương mại, các công ty trung gian thanh toán có quan hệ tài chính với Vietbank.
3. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc bất kỳ cá nhân, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý hoặc bên thứ ba mà Ngân hàng được phép hoặc bắt buộc phải tiết lộ theo quy định pháp luật của bất kỳ quốc gia, hoặc theo bất kỳ hợp đồng/thỏa thuận hoặc cam kết nào khác giữa bên thứ ba và Ngân hàng;
4. Bất kỳ cá nhân nào sở hữu tài khoản chung/tài sản chung cùng với Chủ thẻ.
5. Bất kỳ cá nhân có liên quan đến việc thực thi hoặc duy trì bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo (các) thỏa thuận giữa Chủ thẻ với Ngân hàng;

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ

1. Chủ thẻ có thể gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình tại Vietbank theo quy định, hướng dẫn của Vietbank. Theo Quy định pháp luật, Vietbank có thể tính phí phát sinh trong việc xử lý yêu cầu cung cấp thông tin của Chủ thẻ như là phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có).
2. Chủ thẻ còn có các quyền rút lại sự đồng ý với việc xử lý dữ liệu cá nhân, yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân, hạn chế xử lý dữ liệu, cung cấp dữ liệu, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại, quyền tự bảo vệ theo pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân phản đối hoặc hạn chế việc sử dụng hoặc xử lý dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ trong một số trường hợp. Tuy nhiên, các quyền này sẽ phải tuân thủ theo các Quy định pháp luật có liên quan và thực hiện theo hướng dẫn của Vietbank.

3. Chủ thẻ tự bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình; tôn trọng, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người khác.
4. Chủ thẻ Cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân cho Vietbank.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, thay thế điều khoản, điều kiện chung về xử lý dữ liệu cá nhân

1. Vietbank được phép sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc thay thế bản điều khoản, điều kiện chung về xử lý dữ liệu cá nhân này nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Vietbank sẽ thông báo các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế cho Chủ thẻ bằng một trong các hình thức sau: văn bản, email, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thông báo trên Website chính thức của Vietbank, niêm yết tại trụ sở các điểm giao dịch của Vietbank hoặc theo các hình thức khác theo quyết định/thông báo của Vietbank trong từng thời kỳ.
3. Trường hợp Chủ thẻ tiếp tục sử dụng các sản phẩm, dịch vụ, thực hiện các giao kết, giao dịch với Vietbank sau thời điểm Vietbank thông báo được hiểu là Chủ thẻ chấp thuận với toàn bộ các sửa đổi, thay thế, bổ sung các điều khoản điều kiện này